

Bản án số: 313/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phạm Sơn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 251/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh P trình bày: Về hôn nhân tôi với cô Nguyễn Thị Ngọc M quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với cô Nguyễn Thị Ngọc M tổ chức lễ cưới vào năm 2005, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 104/TH, quyền số 01/2007 ngày 06/10/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân là cô M lên tỉnh Bình Dương làm công nhân và quen với người đàn ông khác và cắt đứt mọi liên lạc với tôi. Tôi với cô M đã không còn sống chung từ đó cho đến nay. Tình cảm của tôi đối với cô M không còn, yêu cầu ly hôn với cô M.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và cô M có 02 con chung tên Nguyễn Khải M, sinh ngày 17/3/2006 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/02/2008, hiện con đang sống với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cô M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi với cô M không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh ngày 24/7/2020 của bà Phan Thị N là mẹ ruột chị M cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị M với anh P thể hiện: Chị M với anh P do người lớn mai mối, cha, mẹ hai bên đồng ý hai người cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa vào năm 2007, sau khi cưới nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc, bên gia đình anh P cất nhà cho 02 vợ chồng ở riêng, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn cô M lên tỉnh Bình Dương làm công nhân và hai người không còn sống chung cho đến nay. Theo bà N về tình cảm hai người không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do chị M vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 24/7/2020 của bà Phan Thị N, biên bản xác minh của Công an xã Vĩnh Hòa ngày 24/7/2020, biên bản không lấy được lời khai của chị M ngày 24/7/2020, biên bản lấy lời khai của 02 cháu Nguyễn Khải M và Nguyễn Nhật L ngày 26/5/2020.

Tại phiên tòa, anh P giữ nguyên yêu cầu, chị M vắng mặt,

Anh P xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; chị M không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Ngọc M có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2017 giữa anh P với chị M có phát sinh mâu thuẫn. Anh P với chị M đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh P với chị M có 02 con chung tên Nguyễn Khải M, sinh ngày 17/3/2006 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/02/2008, hiện 02 cháu đang sống với anh P, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng; đó cũng là nguyện vọng của cháu M và cháu L và anh P không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao cháu Nguyễn Khải M và Nguyễn Nhật L cho anh P nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh P khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc M vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 104/HT, quyển số 01/2007 ngày 06/10/2007. Xét, hôn nhân giữa anh P và chị M là hợp pháp.

Anh P khai, quá trình chung sống anh P và chị M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M lên tỉnh Bình Dương làm công nhân và quen với người đàn ông khác và cắt đứt mọi liên lạc với anh, đời sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Hai người không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Tình cảm của anh P đối với chị M không còn, yêu cầu ly hôn với chị M.

Biên bản xác minh ngày 24/7/2020 của bà Phan Thị N là mẹ ruột chị M cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị M với anh P thể hiện: Chị M với anh P do người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý 02 người cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa vào năm 2007, sau khi cưới nhau thì hai người sống hạnh phúc bên gia đình anh P cất nhà cho 02 vợ chồng ở riêng, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn cô M lên tỉnh Bình Dương làm công nhân và hai người không còn sống chung cho đến nay. Theo bà N về tình cảm hai người không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Anh P với chị M có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa anh P với chị M đã sống xa cách nhau từ năm 2017 đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của anh P ly hôn đối với chị M.

[3] Về con chung: Anh P với chị M, trong thời kỳ hôn nhân 02 người có 02 con chung tên Nguyễn Khải M, sinh ngày 17/3/2006 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/02/2008 đang sống cùng với anh P. Anh P yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Khải M và Nguyễn Nhật L muốn được sống với anh P.

Xét, giao 02 cháu Nguyễn Khải M, sinh ngày 17/3/2006 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/02/2008 cho anh P nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của anh P mà không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Anh P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị M trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh P khai giữa anh với chị M không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra

giải quyết. Nếu sau này chị M cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị M với anh P có tài sản, nợ chung thì chị M vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh P được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001328 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc M;

Giấy chứng nhận kết hôn số 104/HT, quyển số 01/2007 ngày 06/10/2007 do UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Ngọc M không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Khải M, sinh ngày 17/3/2006 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/02/2008 cho anh P nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của anh Nguyễn Thanh P mà không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc M cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Ngọc M trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này chị Nguyễn Thị Ngọc M cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị M với anh P có tài sản, nợ chung thì chị M vẫn có quyền khởi kiện anh P ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh P được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001328 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thế Minh